

GIẢI NOBEL VĂN HỌC NĂM 1934

LUIGI PIRANDELLO

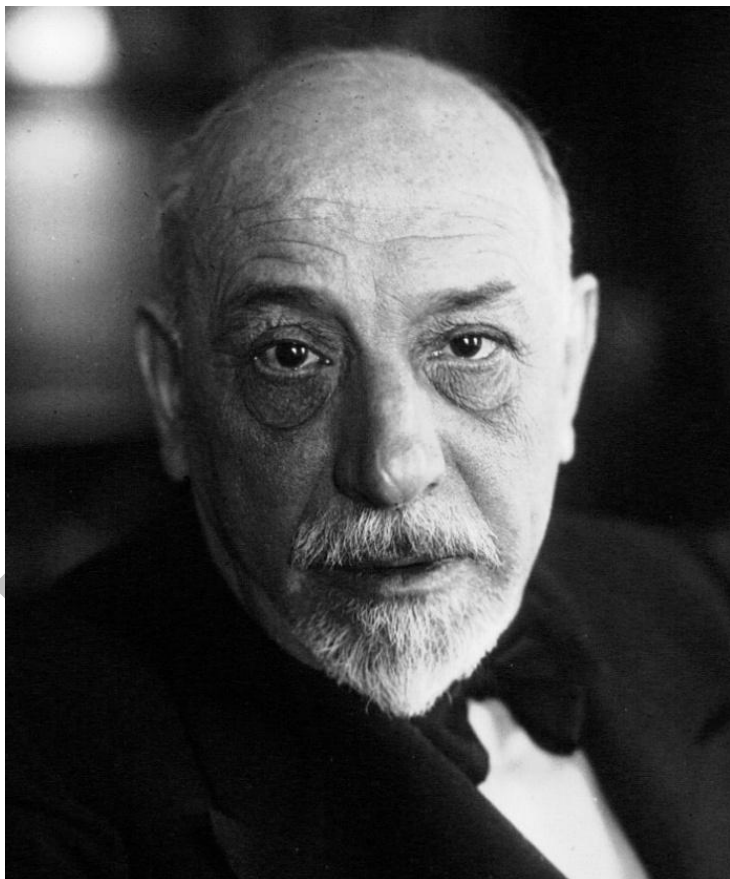
NGƯỜI TỪNG LÀ

Mattia Pascal

**ADRIANO
MEIS**

**MATTIA
PASCAL**

Nhóm dịch Bestread.vn



Luigi Prandotto

LỜI NÓI ĐẦU

Luigi Pirandello (1867–1936), nhà văn, nhà viết kịch và tiểu luận gia kiệt xuất của Ý, đã để lại dấu ấn sâu đậm trong văn học hiện đại nhờ khả năng phơi bày những nghịch lý trong thân phận con người. Ông được trao giải Nobel Văn học năm 1934 “cho sức mạnh táo bạo và sự tinh tế trong việc làm sống dậy những vấn đề tâm lý và triết học qua nghệ thuật kịch và tự sự”.

Trong số các tác phẩm quan trọng, *Il fu Mattia Pascal* (*Người từng là Mattia Pascal*, 1904) giữ một vị trí đặc biệt. Đây không chỉ là cuốn tiểu thuyết đưa tên tuổi Pirandello vượt khỏi biên giới Ý, mà còn trở thành một cột mốc của văn học châu Âu đầu thế kỷ XX.

Câu chuyện xoay quanh Mattia Pascal – một người đàn ông vốn sống đời tầm thường và bất hạnh, bỗng tình cờ bị coi là đã chết sau một vụ nhận dạng nhầm xác. Nắm lấy cơ hội, anh quyết định “chết đi” để tái sinh dưới một thân phận mới, Adriano Meis, với hy vọng làm lại cuộc đời. Nhưng cuộc phiêu lưu hiện sinh này nhanh chóng biến thành bi kịch: thoát khỏi ràng buộc quá khứ, anh cũng đánh mất mọi căn cước xã hội và pháp lý, không thể kết hôn, không thể yêu, không thể sống như một con người thực sự. Cuối cùng, anh buộc phải quay về, nhưng cũng không còn chỗ đứng trong đời cũ – trở thành “kẻ đã chết hai lần” và sống kiếp lưu đày ngay trên chính quê hương mình.

Qua hành trình phi lý và chua chát ấy, Pirandello đặt ra những câu hỏi căn cốt về bản ngã, tự do và thân phận cá nhân trong guồng máy xã hội. Ông cho thấy khi con người trút bỏ “chiếc mặt nạ” do hoàn cảnh hoặc cộng đồng áp đặt, họ lại đối diện với khoảng trống khôn cùng: không còn ai nhận ra mình, cũng chẳng còn biết mình là ai.

Người từng là Mattia Pascal vừa mang tính tiên phong của tiểu thuyết hiện sinh – trước cả Sartre hay Camus – vừa giàu chất tự sự, hài hước xen lẫn bi thương. Giọng văn Pirandello khéo léo đan cài triết luận, châm biếm và những nghịch lý cay đắng của đời sống, tạo nên một điển phạm của chủ nghĩa *Pirandellismo* – dòng văn học đặt sự bất ổn và mâu thuẫn của nhân dạng ở trung tâm.

Bản dịch tiếng Việt này được thực hiện dựa sát nguyên tác, với nỗ lực chuyển tải đầy đủ sắc thái châm biếm, triết lý và sự tinh tế trong ngôn ngữ của Pirandello. Hy vọng tác phẩm sẽ đưa độc giả Việt Nam đến gần hơn với thế giới nghệ thuật đầy nghịch lý và mê hoặc của một trong những bậc thầy văn chương thế kỷ XX.

I - Lời tựa thứ nhất

Một trong số ít điều – hay có lẽ là điều duy nhất – mà tôi biết chắc chắn, đó là: tôi tên là Mattia Pascal. Và tôi đã tận dụng triệt để điều ấy.

Mỗi khi có bạn bè hay người quen nào lạc trí đến mức tìm tôi để xin lời khuyên, tôi chỉ nhún vai, nheo mắt và đáp:

— Tôi tên là Mattia Pascal.

— Cảm ơn, anh bạn. Cái đó thì tôi biết rồi.

— Thế mà anh cho là ít ư?

Nói thật, ngay cả tôi cũng chẳng thấy gì nhiều nhận ở đó. Nhưng hồi ấy, tôi chưa từng biết đến cái cảm giác mất đi cả điều tối thiểu ấy, nghĩa là không thể, như trước kia, trả lời khi cần:

— Tôi tên là Mattia Pascal.

Có người sẽ thương hại tôi (mất gì đâu), tưởng tượng ra nỗi thống khổ ghê gớm của một kẻ bất hạnh, bỗng chốc phát hiện ra rằng... vâng, chẳng có gì cả: không cha, không mẹ, chẳng biết mình từ đâu đến, đã sống ra sao. Và hẳn cũng sẽ có người phần nộ (mất công còn ít hơn) trước sự suy đồi phong hóa, những thói hư tật xấu, nỗi buồn thời thế – tất cả những nguyên nhân gây họa cho một kẻ vô tội đáng thương.

Vâng, cứ tự nhiên. Nhưng tôi phải báo trước: chuyện của tôi không hẳn như vậy. Tôi hoàn toàn có thể đứng ở đây một cây gia phả, chứng minh rằng tôi không chỉ biết cha mẹ mình, mà còn biết cả tổ tiên cùng những việc làm của họ qua bao đời — không phải tất cả đều đáng khen ngợi.

Thế thì sao?

Đây mới phải nói: trường hợp của tôi còn lạ lùng hơn nhiều; lạ và khác đến mức tôi buộc phải tự mình kể lại.

Trong khoảng hai năm, tôi không rõ mình là kẻ săn chuột hay người giữ sách trong thư viện mà Đức ông Boccamazza đã để lại cho thị trấn từ năm 1803, khi ngài qua đời. Hẳn Đức ông này chẳng hiểu gì về tính nết người đồng hương; hoặc cũng có thể ông tin rằng món quà ấy, theo thời gian và tiện lợi, sẽ khơi dậy tình yêu học hỏi. Cho đến nay, tôi có thể làm chứng, điều đó chưa từng xảy ra. Và tôi nói thế, là để ca ngợi dân làng tôi.

Thực tế, thị trấn tỏ ra ít biết ơn Đức ông Boccamazza đến mức chẳng thèm dựng nổi cho ngài một bức tượng bán thân. Sách vở của ngài thì bị chất đống nhiều năm trong một nhà kho rộng và ẩm mốc, rồi sau đó được chuyển đi — thử tưởng tượng xem trong tình trạng nào — để nhốt trong nhà thờ nhỏ hẻo lánh Santa Maria Liberale, vốn không hiểu vì cớ gì đã bị bỏ hoang. Tại đó, chẳng buồn phân loại, người ta giao số sách ấy cho một kẻ vô công rồi nghề được che chở, với danh nghĩa ân huệ, một công

việc nhàn hạ: mỗi ngày lĩnh hai lira để đứng gác, hoặc chẳng cần gác gì cả, chỉ cần chịu đựng mùi ẩm mốc và cũ kỹ của sách vải giờ đồng hồ.

Vận may ấy cũng rơi xuống tôi. Và ngay từ ngày đầu tiên, tôi đã coi thường sách vở đến thế — dù in hay chép tay, kể cả những cuốn cổ nhất trong thư viện. Chính vì vậy mà đến nay tôi sẽ chẳng bao giờ động bút viết, nếu như, như tôi đã nói, tôi không thật sự thấy trường hợp của mình kỳ lạ, xứng đáng làm bài học cho một độc giả hiếu kỳ nào đó, người biết đâu, rốt cục cũng hiện thực hóa hy vọng xa xưa của linh hồn hiền từ Đức ông Boccamazza, bước chân vào thư viện này, nơi tôi để lại bản thảo. Với một điều kiện: không ai được mở ra trước năm mươi năm sau cái chết thứ ba, cuối cùng và dứt khoát của tôi.

Bởi lẽ, hiện nay (và Chúa biết tôi đau đón thế nào), tôi đã chết. Vâng, hai lần rồi: lần thứ nhất do nhầm lẫn, còn lần thứ hai... các bạn sẽ được nghe.

II - Lời tựa thứ hai như một lời bào chữa

Ý tưởng — hay đúng hơn, lời khuyên viết lách — đến từ người bạn đáng kính của tôi: cha xứ Eligio Pellegrinotto, người hiện trông coi sách của Đức ông Boccamazza, và cũng là người tôi sẽ giao phó bản thảo này ngay khi nó hoàn thành, nếu quả thật nó được hoàn thành.

Tôi viết những dòng này ngay tại đây, trong nhà thờ nhỏ đã bị bỏ hoang, dưới ánh sáng leo lét từ chiếc đèn lồng treo tận mái vòm. Tôi ngồi trong gian cung thánh, vốn dành cho người thủ thư, ngăn cách bằng một hàng rào gỗ thấp, trong khi cha Eligio đang thở phào với công việc mà ông đã anh dũng nhận lấy: cố gắng lập chút trật tự trong mớ hỗn độn sách vở — một thứ Babel đúng nghĩa. Tôi e rằng ông sẽ chẳng bao giờ làm xong.

Trước ông, chẳng ai thèm quan tâm đến nội dung thư viện, thậm chí chỉ cần lướt mắt qua gáy sách cũng không. Người ta mặc nhiên cho rằng hầu hết, nếu không nói là tất cả, đều viết về các vấn đề tôn giáo. Thế mà giờ đây, niềm an ủi lớn nhất của Pellegrinotto là phát hiện ra một sự đa dạng bất ngờ trong số sách ấy. Nhưng vì được lôi ra từ chỗ này chỗ kia, rồi chất đống bừa bãi, nên cảnh hỗn loạn thật khó tả. Nhiều “tình bạn” quái lạ đã hình thành chỉ vì sách nằm cạnh nhau: cha Eligio kể rằng ông phải rất vất vả mới tách nổi bộ ba tập *Nghệ thuật yêu phụ nữ*, một tác phẩm phóng túng của Anton Muzio Porro (1571), ra khỏi

cuốn *Đời và cái chết của Faustino Materucci, tu sĩ dòng Biển Đức ở Polirone, người mà nhiều người tôn là thánh* (Mantova, 1625). Do ẩm mốc, hai cuốn đã dính chặt vào nhau như anh em. Điều thú vị là, ngay trong tập hai của bộ sách phóng túng kia lại có một chương dài bàn về đời sống và những cuộc phiêu lưu trong tu viện.

Suốt ngày leo trèo như thợ sửa đèn đường, cha Eligio đã “đánh bắt” được biết bao cuốn sách kỳ lạ trên những kệ cao ngất. Mỗi lần tìm được, ông lại nhẹ nhàng thả xuống chiếc bàn lớn đặt giữa gian thờ. Cả nhà thờ vang lên một tiếng “bịch” trầm đục, bụi mù bốc lên, mấy con nhện hốt hoảng bỏ chạy. Tôi vội lao ra khỏi cung thánh, vượt qua hàng rào gỗ; trước hết dùng chính cuốn sách kia đập lũ nhện, rồi mở ra đọc ngấu ngiến.

Cứ thế, dần dần tôi thấy thú vị với kiểu đọc này. Và giờ đây, cha Eligio bảo rằng cuốn sách của tôi nên mang “hương vị” giống những cuốn ông đang phát hiện trong thư viện. Tôi nhún vai đáp: việc ấy đâu có gì khó. Nhưng lòng tôi còn bận tâm chuyện khác.

Đắm mồ hôi, đầy bụi, cha Eligio trèo xuống thang, ra hít thở ngoài vườn nhỏ mà ông dày công vun xới sau cung thánh, quay quanh bằng cọc gỗ và cành gai nhọn.

— Ôi, thưa cha xứ kính mến, — tôi nói, ngồi trên bức tường thấp, chống cằm lên đầu gậy, nhìn ông chăm sóc đám xà lách — tôi nghĩ thời nay không còn thích hợp để viết sách nữa, kể cả chỉ

để mua vui. Xét về văn chương cũng như mọi sự khác, tôi lại phải nhắc điệp khúc quen thuộc: Copernico đáng nguyên rủa!

— Trời đất ơi, sao lại lỗi Copernico vào đây? — Don Eligio kêu lên, chống tay lên hông, mặt đỏ bừng dưới vành mũ rom rộng.

— Có chứ, Don Eligio. Bởi khi Trái đất còn chưa quay...

— Thôi nào! Nó vẫn luôn quay đấy chứ!

— Không phải vậy. Con người khi ấy không biết, thì cũng như thể nó không quay. Thậm chí đến giờ, với nhiều người, nó vẫn chẳng quay. Tôi vừa bảo điều này với một lão nông, ông ta đáp sao, biết không? Rằng đó là cái có lý tưởng cho mấy tay say xin! Và xin ngài thứ lỗi, ngay cả ngài cũng đâu thể phủ nhận rằng Josué từng chặn Mặt trời. Nhưng thôi, bỏ qua. Ý tôi là: khi Trái đất còn chưa quay, con người, trong y phục Hy Lạp hay La Mã, trông thật oai phong, đắm chìm trong phẩm giá của mình — thì họ có thể kiên nhẫn nghe một câu chuyện dài lê thê, đầy chi tiết vụn vặt. Chẳng phải Quintiliano, như ngài dạy tôi, đã nói lịch sử sinh ra để kể chứ không phải để chứng minh sao?

— Tôi không phủ nhận, — Don Eligio đáp — nhưng đúng là từ khi, theo lời anh, Trái đất bắt đầu quay, người ta lại càng viết sách chi li đến từng hạt bụi.

— Đấy! — tôi bật cười.

Ngài bá tước thức dậy khá sớm, đúng tám giờ rưỡi...

Bà bá tước diện váy màu hoa cà, cổ viền ren cầu kỳ...

Teresina chết đói...

Lucrezia chết mê vì tình...

Ôi, Chúa ơi! Thế thì tôi quan tâm làm gì?

Chúng ta có đang ngồi trên một con vụ vô hình, bị quất bởi một sợi nắng, trên hạt cát điên rồ cứ xoay mãi, chẳng biết vì sao, chẳng bao giờ đến đích — cứ như thể nó say sưa với chính vòng quay ấy, để lúc nóng hơn chút, lúc lạnh hơn chút, và để chúng ta chết — thường là chết với ý thức rằng đời mình toàn những lỗi lầm vặt vãnh — sau năm mươi hay sáu mươi vòng quay?

Copernico, ôi Copernico, cha Eligio kính mến, ông đã hủy hoại nhân loại, không thể cứu vãn.

Ngày nay, tất cả chúng ta đã quen dần với ý niệm về sự nhỏ bé vô hạn của mình: chẳng là gì trong Vũ trụ. Với tất cả những phát minh vĩ đại, những khám phá lẫy lừng, thì tin tức — tôi chưa nói đến nỗi khổ riêng, mà ngay cả tai họa chung — còn có giá trị gì? Chỉ là chuyện của lũ giun đế.

Bạn đã nghe tin về vụ động đất nhỏ ở Antilles chưa? Chẳng có gì cả. Trái đất, tội nghiệp, mệt mỏi vì quay mãi vô ích, như vị giáo sĩ Ba Lan kia nói, bèn thở ra chút lửa từ một trong vô vàn

miệng núi. Ai biết điều gì đã khuấy động con mặt đất đỏ? Có lẽ chính sự ngu xuẩn của loài người — chưa bao giờ tẻ nhạt như bây giờ. Thế là xong: vài nghìn con giun để bị thiêu chín. Và chúng ta tiếp tục quay. Ai còn nhắc đến nữa?

Cha Eligio lại nhận xét: cho dù con người cố gắng đến đâu để xé toạc, hủy diệt những ảo tưởng mà mẹ thiên nhiên nhân từ ban cho, thì cũng không thể thành công. May thay, loài người dễ bị phân tâm.

Điều này đúng thật. Thị trấn tôi, vào những đêm định kỳ, không bật đèn đường. Nếu trời nhiều mây, chúng tôi chìm trong bóng tối. Nghĩa là, rốt cuộc, ngay cả bây giờ, chúng ta vẫn tin rằng mặt trăng treo trên trời chỉ để soi sáng ban đêm, như mặt trời ban ngày, và sao là để trang trí bầu trời cho chúng ta. Chắc chắn rồi. Và chúng ta vui vẻ quên mất rằng mình chỉ là những hạt bụi, những nguyên tử bé nhỏ, vẫn trọng nhau, ngưỡng mộ nhau, rồi cãi nhau vì một mảnh đất con, hoặc đau khổ vì những chuyện mà, nếu thật sự hiểu mình là gì, hẳn chỉ là những nỗi khổ mông mênh, vô nghĩa.

Vậy nên, nhờ cái sự phân tâm may mắn ấy, và cũng vì sự kỳ dị của hoàn cảnh tôi, tôi sẽ nói về chính mình. Nhưng tôi sẽ cố ngắn gọn hết mức — chỉ kể những gì thật cần thiết. Chắc chắn trong đó có điều chẳng làm tôi vẻ vang. Nhưng nay, ở trong một

tình thế đặc biệt, tôi có thể coi mình như đã bước ra ngoài đời sống; và thế là chẳng còn nghĩa vụ, chẳng còn ngần ngại nào nữa.

Bắt đầu thôi.